|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **VIỆN ĐIỀU TRA QUY HOẠCH RỪNG** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014* |

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỈ ĐẠO ĐIỀU TRA RỪNG**

**TẠI CÁC TỈNH VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ VÙNG**

**ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 – 2016;

- Quyết định số 3183/QĐ-BNN-TCLN ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN & PTNT) về Ban hành hướng dẫn Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 – 2015;

- Quyết định số 689/QĐ-TCLN-KL ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp về Ban hành tạm thời bộ tài liệu tập huấn hướng dẫn kỹ thuật điều tra, kiểm kê rừng;

- Công văn số 106/BNN-TCLN ngày 14 tháng 1 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Triển khai dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 – 2016;

- Thông báo của Viện trưởng Viện ĐTQHR ngày 06/01/2014 về việc Giao nhiệm vụ cho các đơn vị của Viện (phần thực hiện dự án kiểm kê rừng giai đoạn 2013-2016).

- Kế hoạch và tiến độ triển khai điều tra, kiểm kê rừng thực tế tại các đơn vị.

**II. MỤC ĐÍCH**

- Đánh giá tiến độ và chất lượng điều tra rừng trong từng công đoạn của Dự án.

- Nhằm phát hiện, uốn nắn và khắc phục kịp thời những sai sót, vướng mắc trong quá trình điều tra xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và đất chưa có rừng, điều tra trữ lượng rừng, tính toán xây dựng hồ sơ thành quả hỗ trợ kiểm kê rừng.

- Hỗ trợ kỹ thuật điều tra, kiểm kê rừng; nâng cao chất lượng, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án phục vụ cho công tác nghiệm thu sản phẩm điều tra kiểm kê rừng trong từng công đoạn cũng như thành quả dự án.

**III. NỘI DUNG KIỂM TRA**

**1. Kiểm tra công tác tổ chức thực hiện của các đơn vị**

* Bố trí nhân lực
* Phân công nhiệm vụ, địa bàn
* Tổ chức thực hiện và kiểm tra chỉ đạo của đơn vị

**2. Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án**

* Bước công việc đã hoàn thành
* Bước công việc đang thực hiện: tỷ lệ hoàn thành; nguyên nhân
* Bước công việc chưa thực hiện: nguyên nhân

**3. Kiểm tra công tác chuẩn bị, giải đoán ảnh xây dựng bản đồ hiện trạng rừng**

- Kiểm tra công tác tập huấn kỹ thuật;

- Kiểm tra tài liệu đưa vào giải đoán ảnh:

+ Mức độ phù hợp của ảnh vệ tinh và biện pháp khắc phục khi giải đoán: Chất lượng phổ; thời gian chụp; tỷ lệ mây; mức độ sai khác với bản đồ địa hình

+ Các lớp bản đồ nền, chuyên đề, tham khảo

+ Kiểm tra mẫu khóa ảnh: Phương pháp lấy mẫu; số lượng, mức độ phù hợp của mẫu khóa ảnh với đặc điểm phổ trên ảnh

- Kiểm tra phương pháp giải đoán: Qui trình giải đoán; kỹ thuật thực hiện và kết quả trung gian theo thứ tự công việc

- Kiểm tra bản đồ kết quả giải đoán ảnh vệ tinh phục vụ điều tra ngoại nghiệp;

- Kiểm tra mức độ thống nhất về qui trình thực hiện cũng như bản đồ kết quả giữa các đơn vị tiến hành điều tra, kiểm kê trên cùng một địa bàn (tỉnh).

**4. Kiểm tra ngoại nghiệp điều tra xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và đất chưa có rừng**

- Kiểm tra công tác hiệu chỉnh sai khác về ranh giới, trạng thái rừng giữa bản đồ giải đoán và thực địa

- Kiểm tra việc khoanh vẽ bổ sung các loại đất, loại rừng;

- Kiểm tra chất lượng mẫu khóa ảnh (tỷ lệ mẫu đo trữ lượng và mẫu không đo trữ lượng)

- Kiểm tra phân loại trạng thái rừng và đất rừng.

**5. Kiểm tra công tác điều tra trữ lượng rừng**

- Kiểm tra phương pháp tính toán số lượng ô mẫu

- Kiểm tra phương pháp rút mẫu và thiết kế thực tế trên bản đồ

- Kiểm tra dung lượng ô đo đếm (theo phạm vi tỉnh).

- Kiểm tra việc lập ô đo đếm và thu thập các chỉ tiêu trong ô đo đếm;

- Kiểm tra phương pháp và kết quả xử lý tính toán ô mẫu điều tra trữ lượng

**Chi tiết xem trong phần “ Hướng dẫn kiểm tra, chỉ đạo điều tra, KKR”**

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

* **Thành phần đoàn kiểm tra và địa bàn kiểm tra chỉ đạo.**

Thành phần đoàn kiểm tra, chỉ đạo kiểm kê rừng gồm 01 trưởng đoàn và chia thành 04 nhóm kiểm tra chỉ đạo, cụ thể:

* Trưởng đoàn kiểm tra, chỉ đạo điều tra kiểm kê rừng: TS. Đinh Văn Đề, trưởng phòng KHKT&CN Viện
* Trưởng nhóm kiểm tra: 04 cán bộ thuộc phòng KHKT&CN Viện
* Thành viên của các nhóm kiểm tra: 01 cán bộ phòng KHKT&CN; 01 cán bộ phòng KH&HTQT; 08 cán bộ kỹ thuật thuộc 08 đơn vị trực tiếp tham gia điều tra kiểm kê rừng

**Nhóm 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa điểm kiểm tra** | **Đơn vị thực hiện** | **Cán bộ thực hiện** | **Chức danh** |
| 1 | Kon Tum | Phân viện Đông Bắc | Nguyễn Ngọc An  Hà Mạnh Trường | Trưởng nhóm  Thành viên |
| 2 | TTTV và TTLN | Nguyễn Ngọc An  Phạm Hồng Giang | Trưởng nhóm  Thành viên |

**Nhóm 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa điểm kiểm tra** | **Đơn vị thực hiện** | **Cán bộ thực hiện** | **Chức danh** |
| 1 | Gia Lai | Phân viện Tây Bắc | Nguyễn Quang Vinh  Phan Nguyên Xuất | Trưởng nhóm  Thành viên |
| 2 | Phân viện Nam Trung Bộ và TN | Nguyễn Quang Vinh  Lê Trường Giang | Trưởng nhóm  Thành viên |
| 3 | Trung tâm TNMTLN | Nguyễn Quang Vinh  Lê Trường Giang | Trưởng nhóm  Thành viên |

**Nhóm 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa điểm kiểm tra** | **Đơn vị thực hiện** | **Cán bộ thực hiện** | **Chức danh** |
| 1 | Lâm Đồng | Phân viện Bắc Trung Bộ | Vũ Ngọc Sinh  Phạm Mạnh Hà | Trưởng nhóm  Thành viên |
| 2 | Phân viện Trung Trung Bộ | Vũ Ngọc Sinh  Nguyễn Xuân Sơn | Trưởng nhóm  Thành viên |

**Nhóm 4**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa điểm kiểm tra** | **Đơn vị thực hiện** | **Cán bộ thực hiện** | **Chức danh** |
| 1 | 8 tỉnh ĐBSCL | Trung Tâm TNMTLN (2 tỉnh) | Đinh Văn Đề  Hoàng Công Khanh  Đinh Văn Đề  Phạm Tuấn Anh  Đỗ Tố Như  Võ Văn Hồng | Trưởng nhóm  Thành viên  Thành viên  Thành viên  Thành viên |
| 2 | Phân viện Nam bộ (6 tỉnh) |

* **Nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của các thành viên đoàn kiểm tra**
* **Trưởng đoàn:** Chịu trách nhiệm toàn bộ trước Viện về hoạt động của đoàn kiểm tra, cụ thể:

+ Chỉ đạo, đôn đốc các trưởng nhóm, thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đúng kế hoạch kiểm tra cũng như các công việc, sự vụ phát sinh trong khi thực hiện kiểm tra để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

+ Cập nhật tiến độ kiểm tra của các nhóm thường xuyên.

+ Tổng hợp báo cáo đánh giá của các nhóm, viết báo cáo tổng hợp kết quá chuyến kiểm tra, chỉ đạo điều tra, kiểm kê gửi Viện sau 05 ngày kết thúc đợt đánh giá.

* **Trưởng nhóm**: Chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn về hoạt động của nhóm

+ Phân công nhiệm vụ cho thành viên trong nhóm

+ Báo cáo thường xuyên với Trưởng đoàn kết quả làm việc của nhóm *(có nhật ký công việc hàng ngày của nhóm*)

+ Lập biên bản kiểm tra

+ Viết báo cáo đánh giá thực hiện điều tra rừng của từng đơn vị theo địa bàn được phân công

+ Báo cáo đánh giá tổng hợp tiến độ và chất lượng điều tra rừng theo từng tỉnh gửi Trưởng đoàn sau 03 ngày kết thúc đợt đánh giá.

* **Thành viên từng nhóm:**

+ Làm việc theo sự phân công của nhóm trưởng. Báo cáo nhóm trưởng kết quả công việc thực hiện trong ngày

+ Bàn bạc, thảo luận với các thành viên trong nhóm, thống nhất kế hoạch kiểm tra tại địa bàn được phân công

+ Chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng công việc được phân công

+ Báo cáo thường xuyên với trưởng nhóm kết quả làm việc được phân công *(có nhật ký công việc hàng ngày*)

* **Dự kiến các bước thực hiện và thời gian**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Hạng mục | Thời gian dự kiến (ngày) | | | |
| Nhóm 1 | Nhóm 2 | Nhóm 3 | Nhóm 4 |
| **1** | **Chuẩn bị** | **1** | **1** | **1** | **1** |
| a | Bàn giao công việc trước khi đi kiểm tra | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 |
| b | Dự trù tạm ứng kinh phí | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 |
| **2** | **Đi đến các đơn vị (Tại hiện trường) và về Viện** | **2** | **2** | **2** | **2** |
| **3** | **Thống nhất kế hoạch với các đơn vị được kiểm tra** | **1** | **1** | **1** | **1** |
| **4** | **Kiểm tra chỉ đạo** | **7** | **10** | **7** | **10** |
| a | Kiểm tra tài liệu và các sản phẩm trung gian | 2 | 3 | 2 | 3 |
| b | Kiểm tra hiện trường | 4 | 6 | 4 | 6 |
| C | Thông qua kết quả với lãnh đạo đơn vị | 1 | 1 | 1 | 1 |
| **5** | **Nhóm kiểm tra họp tổng kết, Viện ra thông báo kết quả kiểm tra chỉ đạo** | **1** | **1** | **1** | **1** |
|  | **Tổng cộng (1+2+3+4)** | **12** | **15** | **12** | **15** |

Thời gian thực hiện dự kiến từ ngày 11 đến hết ngày 27/2/2014 (có bảng thời gian chi tiết kèm theo)

**IV. DỰ TRÙ KINH PHÍ**

1) Văn phòng Viện: Cấp kinh phí cho cán bộ kiểm tra thuộc khối văn phòng Viện

2) Các đơn vị thực hiện điều tra, kiểm kê: Tự chi trả kinh phí cho cán bộ thuộc đơn vị quản lý trong thời gian tham gia Đoàn kiểm tra.

* **Phụ cấp lưu trú cho cán bộ kiểm tra, chỉ đạo KKR (người của văn phòng Viện)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm kiểm tra** | **Số người** | **Số ngày** | **Tổng số ngày** | **Định mức lưu trú (1000đ)** | **Thành tiền** | **Ghi chú** |
| 1 | Nhóm 1 | 1 | 12 | 12 | 350 | 4200 |  |
| 2 | Nhóm 2 | 1 | 14 | 14 | 350 | 4900 |  |
| 3 | Nhóm 3 | 1 | 12 | 12 | 350 | 4200 |  |
| 4 | Nhóm 4 | 3 | 14 | 42 | 350 | 14700 |  |
|  | **Tổng cộng** | **6** |  | **80** |  | **28.000** |  |

* **Chi phí đi lại**
* Từ văn phòng Viện ĐTQHR đến các tỉnh: Gia Lai; Lâm Đồng và TP. Hồ Chí Minh do thời gian gấp đề nghị cho phép cán bộ đi kiểm tra bằng phương tiện máy bay 2 chiều đi và về
* Nhóm 1, 2, 3 đi từ sân bay về nơi đóng quân của các đơn vị bằng xe khách và taxi; Nhóm 4 đi từ sân bay về trụ sở phân viện Nam Bộ bằng taxi (đi và về)
* Các đơn vị bố trí phương tiện đi lại cho cán bộ kiểm tra đi và về từ nơi đóng quân của các đơn vị (đối với PV. Nam Bộ và Trung tâm Tài nguyên MTLN là từ văn phòng PV) đến hiện trường kiểm tra (các tỉnh vùng Tây Nam bộ)

**Chi phí phương tiện đi lại**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Nhóm kiểm tra** | **Số người** | **Lượt đi về** | **Đơn giá (1000đ)** | **Thành tiền** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiền vé máy bay đi, về | Nhóm 1 | 1 | 2 | 1930 | 3860 |  |
| Nhóm 2 | 1 | 2 | 1930 | 3860 |  |
| Nhóm 3 | 1 | 2 | 2500 | 5000 |  |
| Nhóm 4 | 3 | 2 | 3000 | 18000 |  |
| **Tổng** | **6** |  |  | **30720** |  |
| **2** | Tiền taxi, xe khách | **4 nhóm** | **6** | **2** | **150** | **1800** |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  | **32520** |  |

Tổng chi phí dự kiến cho đoàn là

28.000.000 + 32.520.000 = 60.520.000 đồng

***(Sáu mươi triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng)***

**VIỆN TRƯỞNG**

**Đã ký**

**Nguyễn Nghĩa Biên**

**V. CÁC MẪU BIỂU BÁO CÁO**

* **Mẫu biên bản kiểm tra**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA CHỈ ĐẠO KỸ THUẬT**

**Điều tra phục vụ kiểm kê rừng tỉnh…………………….**

* Thông tin chung
* Ngày tháng năm kiểm tra
* Địa điểm kiểm tra (danh sách các huyện kiểm tra)
* Đơn vị thực hiện
* Thành phần đoàn kiểm tra
* Đại diện bên kiểm tra
* Đại diện bên được kiểm tra
* Nội dung kiểm tra

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiểm tra** | **Số lượng/mức độ đầy đủ, phù hợp** | **Sai số** | **Đánh giá** | **Ghi chú** |
| **1** | **Công tác chuẩn bị, giải đoán ảnh xây dựng bản đồ hiện trạng rừng** |  |  |  |  |
| **1.1** | - Tập huấn điều tra, kiểm kê |  |  |  |  |
| **1.2** | - Kiểm tra tài liệu đưa vào giải đoán ảnh |  |  |  |  |
|  | + Mức độ phù hợp của ảnh vệ tinh và biện pháp khắc phục khi giải đoán |  |  |  |  |
| + Các lớp bản đồ nền, chuyên đề, tham khảo |  |  |  |  |
| + Mẫu khóa ảnh: Phương pháp lấy mẫu; số lượng, mức độ phù hợp của mẫu khóa ảnh với đặc điểm phổ trên ảnh |  |  |  |  |
| **1.3** | - Phương pháp giải đoán |  |  |  |  |
| **1.4** | - Bản đồ kết quả giải đoán ảnh vệ tinh phục vụ điều tra ngoại nghiệp |  |  |  |  |
| **1.5** | - Mức độ thống nhất về qui trình thực hiện cũng như bản đồ kết quả giữa các đơn vị tiến hành điều tra, kiểm kê trên cùng một địa bàn (tỉnh) |  |  |  |  |
| **2** | **Kiểm tra ngoại nghiệp điều tra xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và đất chưa có rừng** |  |  |  |  |
| **2.1** | Hiệu chỉnh sai khác về ranh giới, trạng thái rừng giữa bản đồ giải đoán và thực địa |  |  |  |  |
| 2.2 | Khoanh vẽ bổ sung các loại đất, loại rừng |  |  |  |  |
| **2.3** | Chất lượng mẫu khóa ảnh (tỷ lệ mẫu đo trữ lượng và mẫu không đo trữ lượng) |  |  |  |  |
| **2.4** | Phân loại trạng thái rừng và đất rừng |  |  |  |  |
| **3** | **Điều tra trữ lượng rừng** |  |  |  |  |
| **3.1** | Phương pháp tính toán số lượng ô mẫu |  |  |  |  |
|  | Thiết kế rút mẫu, rút mẫu trên bản đồ |  |  |  |  |
| **3.2** | Lập ô đo đếm và thu thập các chỉ tiêu trong ô đo đếm |  |  |  |  |
| **3.3** | Số lượng mẫu (tỉnh) |  |  |  |  |
| **3.4** | Phương pháp tính toán trữ lượng |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện đoàn kiểm tra** | **Đại diện đơn vị thực hiện** |

Ghi chú: Biên bản lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản

* **Mẫu báo cáo đánh giá của các nhóm**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KIỂM TRA CHỈ ĐẠO ĐIỀU TRA RỪNG**

**TẠI CÁC ĐƠN VỊ**

**Điều tra phục vụ kiểm kê rừng tỉnh…………………….**

* Thông tin chung
* Ngày tháng năm
* Đơn vị thực hiện (ghi tất cả tên các đơn vị thực hiện kiểm kê theo tỉnh)
* Đại diện bên kiểm tra
* Các nội dung đánh giá
* **Đánh giá công tác tổ chức thực hiện của các đơn vị**
* Bố trí nhân lực
* Phân công nhiệm vụ, địa bàn
* Tổ chức thực hiện và kiểm tra chỉ đạo của đơn vị
* Tiến độ thực hiện
* Khối lượng thực hiện theo hạng mục
* Thời gian khởi công, kết thúc
* Công tác chuẩn bị
* Tập huấn
* Tài kiệu đưa vào giải đoán ảnh
* Phương pháp giải đoán
* Bản đồ kết quả (phục vụ điều tra ngoại nghiệp)
* Thống nhất, phối hợp giữu các đơn vị cùng kiểm kê trong tỉnh
* Công tác tổ chức thực hiện dự án
* Bố trí nhân lực
* Phân công nhiệm vụ, địa bàn
* Tổ chức thực hiện và kiểm tra chỉ đạo của đơn vị
* Công tác điều tra ngoại nghiệp
* Hiệu chỉnh trạng thái, ranh giới
* Khoanh vẽ bổ sung
* Chất lượng mẫu khóa ảnh
* Phân loại trạng thái
* Điều tra trữ lượng
* Phương pháp tính toán, thiết kế và rút mẫu
* Điều tra trong ô mẫu
* Dung lượng mẫu và tính toán xử lý số liệu ô mẫu
* Kết luận và kiến nghị
* Về tiến độ thực hiện theo từng bước công việc
* Tỷ lệ hoàn thành theo khối lượng công việc
* Đánh giá về chất lượng theo từng bước công việc: nguyên nhân; biện pháp khắc phục.
* Kết luận và đánh giá tổng thể

|  |  |
| --- | --- |
| **Trưởng đoàn kiểm tra** | **Nhóm trưởng nhóm kiểm tra** |

Ghi chú:

* Biên bản lập thành 02 bản, 01 bản gửi phòng KHKT&CN (trưởng đoàn kiểm tra), 01 bản gửi đơn vị chủ trì điều tra kiểm kê tại tỉnh.
* Nhóm trưởng chịu trách nhiệm báo cáo trước phòng KHKT&CN và Viện (nếu cần).
* **Mẫu báo cáo đánh giá chung của đoàn**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KIỂM TRA CHỈ ĐẠO ĐIỀU TRA RỪNG TẠI CÁC ĐƠN VỊ**

**Điều tra phục vụ kiểm kê rừng tỉnh…………………….**

* Thông tin chung
* Ngày tháng năm
* Đơn vị thực hiện (ghi tất cả tên các đơn vị thực hiện kiểm kê theo tỉnh)
* Đại diện bên kiểm tra
* Các nội dung đánh giá
* **Đánh giá công tác tổ chức thực hiện của các đơn vị**
* Bố trí nhân lực
* Phân công nhiệm vụ, địa bàn
* Tổ chức thực hiện và kiểm tra chỉ đạo của đơn vị
* Tiến độ thực hiện
* Khối lượng thực hiện theo hạng mục
* Thời gian khởi công, kết thúc
* Công tác chuẩn bị
* Tập huấn
* Tài kiệu đưa vào giải đoán ảnh
* Phương pháp giải đoán
* Bản đồ kết quả (phục vụ điều tra ngoại nghiệp)
* Thống nhất, phối hợp giữu các đơn vị cùng kiểm kê trong tỉnh
* Công tác tổ chức thực hiện dự án
* Bố trí nhân lực
* Phân công nhiệm vụ, địa bàn
* Tổ chức thực hiện và kiểm tra chỉ đạo của đơn vị
* Công tác điều tra ngoại nghiệp
* Hiệu chỉnh trạng thái, ranh giới
* Khoanh vẽ bổ sung
* Chất lượng mẫu khóa ảnh
* Phân loại trạng thái
* Điều tra trữ lượng
* Phương pháp tính toán, thiết kế và rút mẫu
* Điều tra trong ô mẫu
* Dung lượng mẫu và tính toán xử lý số liệu ô mẫu
* Kết luận và kiến nghị
* Về tiến độ thực hiện theo từng bước công việc
* Tỷ lệ hoàn thành theo khối lượng công việc
* Đánh giá về chất lượng theo từng bước công việc: nguyên nhân; biện pháp khắc phục.
* Kết luận và đánh giá tổng thể

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Trưởng đoàn kiểm tra** |